

# Một số vấn đề về dạy học đọc hiểu tiếng Nhật

Lê Hà Phương\*

\*TS. Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Phenikaa

Received: 10/5/2024; Accepted: 16/5/2024; Published: 27/5/2024

**Abstract:** Reading comprehension skills are one of the important skills that need to be developed for foreign language learners. For Japanese, a foreign language that has been selected to be taught at the university level since the early 90s and taught at the high school level in Vietnam since 2003, issues related to teaching skills Japanese language skills are receiving a lot of attention from many researchers, including the issue of teaching Japanese reading comprehension. This article will approach this issue through linguistic characteristics and structure of Japanese reading comprehension texts, thereby determining how to teach basic Japanese reading comprehension for Vietnamese teachers teaching Japanese.

**Keywords:** Reading comprehension skills; read and understand Japanese; language characteristics; text structure for reading comprehension

## 1. Đặt vấn đề

Kỹ năng đọc hiểu là một trong những kỹ năng quan trọng cần phát triển của người học ngoại ngữ. Đối với tiếng Nhật, một ngoại ngữ đã được lựa chọn đưa vào giảng dạy cho bậc đại học từ khoảng đầu những năm 90 và giảng dạy cho bậc phổ thông tại Việt Nam từ năm 2003 thì các vấn đề liên quan đến giảng dạy các kỹ năng tiếng Nhật đang nhận được nhiều sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có vấn đề dạy học đọc hiểu tiếng Nhật. Vậy để giảng dạy được kỹ năng đọc hiểu, người dạy cần phải truyền đạt đến người học những kiến thức cơ bản nào liên quan đến đọc hiểu tiếng Nhật. Bài viết sẽ trình bày hướng tiếp cận vấn đề này thông qua đặc trưng ngôn ngữ, cấu trúc văn bản đọc hiểu tiếng Nhật, từ đó xác định cách thức dạy học đọc hiểu tiếng Nhật căn bản cho giáo viên Việt Nam dạy tiếng Nhật.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đặc trưng hình thái ngôn ngữ tiếng Nhật

Trước hết, về loại hình ngôn ngữ, tiếng Nhật thuộc loại hình *ngôn ngữ niêm kết* hay còn gọi là *ngôn ngữ chấp dính* với những đặc trưng chính sau đây. Sử dụng *phụ tố* để cấu tạo từ và biểu thị những mối quan hệ khác nhau; *hình vị* trong ngôn ngữ niêm kết có *tính độc lập lớn* và mối liên hệ giữa các hình vị *không chặt chẽ*; *chính tố* có thể hoạt động độc lập; mỗi *phụ tố* chỉ biểu thị *một ý nghĩa ngữ pháp* và ngược lại. [6]

Về chữ viết, tiếng Nhật sử dụng hệ thống *chữ viết pha trộn* vô cùng phức tạp gồm hệ thống *chữ ghi âm tiết* là (Hiragana và Katakana). Tiếp đó là chữ Hán (Kanji) để thể hiện các thân từ, các chữ ghi âm tiết

Hiragana để thể hiện các từ ngữ pháp và các vĩ tố ngữ pháp, các chữ ghi âm tiết Katakana vào mục đích đặc biệt như viết các từ ngoại lai. [6]

Khác biệt lớn nhất giữa hai ngôn ngữ đó là cấu trúc ngữ pháp, tiếng Việt là SVO và tiếng Nhật là SOV. Khi thành lập cấu trúc trong câu trong tiếng Nhật, tùy thuộc vào vị trí đặt trợ từ vào sau danh từ thì mối quan hệ ngữ pháp lại thay đổi và sự sắp xếp trình tự trong câu tương đối tự do. Ngoài ra, trong các câu hội thoại tiếng Nhật, việc gián lược trợ từ đi sau mỗi danh từ cũng thường xảy ra nên người nghe hay người đọc sẽ phải dự đoán mối quan hệ ngữ pháp dựa vào trình tự từ trong câu. Nếu như trong tiếng Việt, từ loại mang tính chất cố định thì trong tiếng Nhật động từ và tính từ lại có dạng thức biến hình tương đối phức tạp khi chúng ta sử dụng từ loại đó trong trường hợp phủ định hay chia theo thời thì quá khứ, hiện tại, tương lai.

### 2.2. Cấu trúc văn bản đọc hiểu tiếng Nhật

Cùng với những đặc trưng về loại hình ngôn ngữ và chữ viết, cấu trúc văn bản tiếng Nhật cũng có những đặc điểm khác với các ngoại ngữ khác. Murata (2001) đã phân tích sự khác nhau trong đặc điểm cấu trúc văn bản bằng tiếng Nhật và tiếng Anh nhằm mục đích giúp cho người học Nhật có thể đọc hiểu văn bản bằng tiếng Anh một cách hiệu quả hơn.

Murata phân tích “Cấu trúc văn bản tiếng Nhật thường mở đầu bằng những câu văn mô tả chi tiết, cụ thể...(gọi là specific) rồi dẫn dắt người đọc đi dần đến phần chính trong câu chuyện. Những câu văn kiểu này nhiều khi không liên quan trực tiếp ngay lập tức đến phần cốt lõi trong câu chuyện mà sẽ kết

nói với các chi tiết khác nhau để cuối cùng mới dẫn người đọc đến cái kết của câu chuyện. Ngược lại, cấu trúc văn bản tiếng Anh lại bắt đầu câu chuyện bằng cách tập trung ngay vào chủ đề và sau đó để làm rõ hơn cho chủ đề này thì sẽ dùng đến cách nói nguyên nhân, lí do, giải thích, đưa ví dụ...” Ngoài ra, tác giả cũng liệt kê những yếu tố khác biệt trong 2 loại văn bản như: Cấu trúc đoạn văn paragraph (tiếng Nhật theo kiểu Specific-general và tiếng Anh theo kiểu General-Specific); Trật tự thông tin đưa ra trong văn bản (văn bản tiếng Anh sẽ đưa thông tin có mức độ quan trọng từ thấp đến cao và thông tin quan trọng nhất sẽ để phần cuối cùng. Ngược lại, cấu trúc đọc hiểu trong tiếng Nhật lại đặt thông tin quan trọng nhất tại vị trí trước động từ chính của câu.); Cú pháp (tiếng Nhật theo dạng OV – Từ chỉ mục đích + Động từ, còn tiếng Anh theo dạng VO – Động từ + Từ chỉ mục đích); Cấu tạo thành phần bổ ngữ/định ngữ (tiếng Nhật là mệnh đề định ngữ đứng trước, còn tiếng Anh là mệnh đề định ngữ đứng sau); Cách triển khai ý của văn bản (tiếng Nhật theo hình thức “ Mở đầu - luận bàn - triển khai - kết luận) còn tiếng Anh theo hình thức “ Mở - thân - kết”)

### 2.3. Cách thức dạy đọc hiểu tiếng Nhật

Hayashi (2012) đã tiến hành xây dựng qui trình dạy học đọc hiểu tiếng Nhật theo định hướng nội dung gồm 05 bước theo trình tự là *xây dựng mục tiêu học tập, lựa chọn tài liệu đọc hiểu, nội dung cho từng buổi học, phương thức thực hiện và đánh giá giờ học.*

Takayama (1995:76) đã tổng hợp các hình thức dạy học đọc hiểu cơ bản như sau: *Đọc thành tiếng; Đọc ngắt câu; Đọc lướt; Đọc hỗ trợ; Sử dụng kiến thức nền và Dịch sang tiếng mẹ đẻ.*

Trong những năm gần đây, xu hướng nghiên cứu đọc hiểu còn tập trung vào nhiều vào các hình thức đọc hiểu như *đọc phân biệt* [1] và *đọc hợp tác* [3].

Ngoài ra, dựa trên mục đích đọc hiểu có thể phân loại thành *Đọc hiểu ngoại ngữ* (Reading for language) và *Đọc hiểu thông tin, đọc là sự yêu thích* (Reading for Information or Pleasure). [6]

### 3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, việc mở rộng các chính sách đào tạo ngoại ngữ đang trở thành vấn đề cấp thiết. Đối với ngôn ngữ Nhật, trong những năm gần đây cũng nhận được nhiều sự quan tâm không chỉ của những người học tiếng Nhật như một ngoại ngữ mà giáo dục tiếng Nhật còn được đưa vào trong các chính sách mở rộng phạm vi giáo dục

của Nhà nước. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về giảng dạy tiếng Nhật chủ yếu vẫn tập trung nhiều về kiến thức ngôn ngữ, do đó khi tiến hành dạy kỹ năng cho người học, người dạy cũng cần xác định các bước tiếp cận căn bản nhất.

### Tài liệu tham khảo

大出敦 (2015) . 慶應義塾大学教養研究センター監修「アカデミック スキルズ クリティカル リーディング入門 人文系のための読書レッスン」慶應義塾大学出版会 (Oide Atsushi, 2015, Kỹ năng học thuật – Áp dụng hình thức đọc phân biệt trong giờ học đọc hiểu của người học đại học ngành nhân văn, Trung tâm Nghiên cứu giáo dục Đại học Keio)

高山芳樹 (1995) 「リーディングの学習と指導」金谷徳編著『英語リーディング論: 読解力・読解指導を科学する』荷源社、76-119 (Takayama Yoshiki, 1995, Học và dạy đọc hiểu-Lí luận dạy học đọc hiểu tiếng Anh- Năng lực đọc hiểu và phương pháp dạy học đọc hiểu, Nhà xuất bản Minamimoto, trang 76-119)

館岡洋子 (2005) 『ひとりで読むことからピア・リーディングへー日本語学習者の読解過程と対話的協働学習』東海大学出版会 (Tateoka Yoko, 2005, Từ đọc một mình đến Peer Reading – Quá trình đọc hiểu tiếng Nhật và hoạt động học tập hợp tác giữa người học, Nhà xuất bản Đại học Tokai)

松田真紀子 (2016) 『ベトナム語母語話者のための日本語教育』春風社 (Matsuda Makiko, 2016, Giảng dạy tiếng Nhật cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Harukazesha )

林 敏夫 (2012) 中上級の読解指導ー日本研究へつながる内容の検討、国際交流基金関西国際センター (Hayashi, 2012, Giảng dạy tiếng Nhật trình độ trung cao cấp – Khảo sát qua nội dung liên quan đến nghiên cứu Nhật Bản học, Trung tâm quốc tế Kansai, Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản)

川口義一&横溝紳一郎 (2005) 「成長する教師のための日本語教育ガイドブック 上」ひつじ書房 (Yamaguchi Yoshikazu và Yokomizo Shinichirou, 2005, Hướng dẫn giảng dạy tiếng Nhật-Tập 1, NXB Hitsuji Shobo)

村田年 (2001) 「日本人と英語国民との文章構成の相違について」言語文化論業第9号、千葉大学外国語センター、57-66 (Murata Toshi, 2001, Khác biệt trong cấu trúc văn bản tiếng Nhật và tiếng Anh, Tạp chí Ngôn ngữ và văn hóa, Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Chiba, trang 57-71)